

Bản án số: 21/2019/HS-ST

Ngày: 11/4/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Kim Ngân.

Bà Đoàn Thị Mến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa:

Ông Võ Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Văn L (T), sinh năm: 1984 tại Bà Rịa – Vũng Tàu;

Nơi cư trú: Tổ 38, ấp CC, xã LD, huyện ĐĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M (Đã chết) và bà Huỳnh Thị C, sinh năm: 1948; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo được tại ngoại.

“Bị cáo có mặt”.

Bị hại:

- Chị Phạm Nguyễn Anh T, sinh năm: 1996. (Đã chết)

Địa chỉ: Ấp NĐ, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Phạm Phú T, sinh năm: 1956 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1959. Địa chỉ: Ấp NĐ, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Ông T “Có mặt”, bà T “Có mặt”

(Bà Nguyễn Thị T ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Phạm Phú T theo văn bản ủy quyền ngày 09/10/2018).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1965. “Có mặt”

Địa chỉ: Ấp CC, xã LD, huyện ĐĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người làm chứng:

1. Anh Đoàn Khắc N, sinh năm: 1989. “Vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Anh Đào Anh T, sinh năm: 1986. “Vắng mặt”

Địa chỉ: Ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 15/6/2018 bị cáo Trần Văn L sau khi uống rượu, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 72 L2 – 8177 (Không giấy phép lái xe) chở Trần Văn P, sinh năm: 1980 từ chợ XM đi thị trấn PB. Khi đến đoạn đường tỉnh lộ 329 thuộc khu vực ấp NT, xã XM, huyện XM, bị cáo điều khiển xe lấn qua phần đường bên trái va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 72G1 – 276.06 do chị Phạm Nguyễn Anh T đang điều khiển theo hướng ngược lại từ thị trấn PB đi xã XM. Hậu quả bị cáo Trần Văn L, Trần Văn P bị thương chuyển đi cấp cứu, chị Phạm Nguyễn Anh T bị thương nặng được cấp cứu tại trung tâm y tế huyện XM sau đó chuyển đến bệnh viện Bà Rịa, ngày 16/6/2018 chị T được chuyển đến bệnh viện Chợ Rẫy để điều trị đến ngày 23/6/2018 chị T được gia đình đưa về và tử vong tại nhà vào lúc 01 giờ ngày 24/6/2018.

Sau khi tai nạn xảy ra, vụ việc được các Cơ quan tiến hành tố tụng huyện XM khám nghiệm hiện trường để xử lý theo pháp luật.

Kết quả hiện trường:

Đoạn đường xảy ra tai nạn thẳng, không bị che khuất tầm nhìn, mặt đường trải bê tông nhựa rộng 5,8m, giữa đường có vạch sơn trắng có vạch sơn đứt quãng chia đường thành 02 chiều xe chạy, từ vạch sơn đứt quãng vào mép đường nhựa bên phải theo hướng xã XM đi thị trấn PB là 03 mét. Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn có hệ thống đèn chiếu sáng công cộng được bật.

Lấy hướng xã XM đi thị trấn PB làm hướng chuẩn, lấy mép đường nhựa bên phải theo hướng chuẩn để đo vẽ và mô tả hiện trường. Mốc cố định là cột điện số 473XM/95 nằm trong lề đất bên phải theo hướng chuẩn.

Khu vực va chạm xe mô tô biển số 72G1 – 276.06 va chạm xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 đối chiều trên mặt đường ký hiệu (A) nằm bên phải theo phần đường của xe chạy theo hướng PB đi XM. (A): cách lề phải 3,7m; cách xe mô tô biển kiểm soát 72G1 – 276.06 là 2,2m; cách xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 là 1,6m cách cột mốc cố định 11,5m.

(1) Là vị trí xe mô tô biển kiểm soát 72G1 – 276.06: Sau tai nạn xe mô tô biển kiểm soát 72G1 – 276.06 nằm nghiêng bên trái, đầu xe quay vào lề phải, đuôi xe hướng ra mặt đường tỉnh lộ 329 trực bánh trước (1) cách lề phải 1,5m, trực bánh sau (1) cách lề phải 2,6m, (1) cách mốc cố định 9,5m, (1) cách vị trí (A) 2,2m.

(2) Là vị trí xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177; sau tai nạn xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 nằm ngã nghiêng bên phải, đầu xe chéch vào lề trái, đuôi xe quay mặt ra đường tỉnh lộ 329; trực bánh trước xe mô tô (2) cách lề phải 4,9m; trực bánh sau xe mô tô (2) cách lề phải 3,8m; xe mô tô (2) cách xe mô tô (1) 3,7m; xe mô tô (2) cách vị trí (A) là 1,6m.

(3) Vị trí vết máu tại hiện trường sau tai nạn có kích thước 0,6m x 0,75m, nằm bên phải phần đường bên phải, vết máu không rõ hình thù, tâm vết máu (3) cách lề phải 1,8m, cách xe mô tô (2) là 3m.

Tại báo cáo vụ tai nạn giao thông đường bộ kết luận: Nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông do bị cáo Trần Văn L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 đi không đúng phần đường quy định.

Tại bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 206/GĐHS ngày 27/8/2018 của Trung tâm pháp y sở y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận khả năng chị Phạm Nguyễn Anh T chết trong bệnh cảnh “Chấn thương sọ não nặng không hồi phục”.

Khi xảy ra tai nạn cảnh sát giao thông tiến hành đo nồng độ cồn đối với bị cáo Trần Văn L kết quả nồng độ: 0,487mg/l.

Đồ vật, tài liệu tạm giữ gồm:

01 xe mô tô biển kiểm soát 72G1- 276.06 loại xe Nozza màu trắng, số máy: E3N4E – 021032, số khung: RLCSE7610EY – 021027; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 72G1- 276.06 mang tên Phạm Nguyễn Anh T; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Nguyễn Anh T; 01 xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 nhãn hiệu Damsan, số máy: FMG – 00.112.717, số khung: AUM5H – 112717; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 mang tên Nguyễn Thị M; 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn L.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của chị Phạm Nguyễn Anh T là ông Phạm Phú T và bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 200.000.000đ (Bao gồm chi phí điều trị tại bệnh viện, chi phí mai táng, chi phí sửa xe, yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần). Trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000đ. Ông T, bà T yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền còn lại là 190.000.000đ. Bị cáo đồng ý.

Bản cáo trạng số 20/CT-VKS - XM ngày 13/3/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Trần Văn L về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 260 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả lại 01 chứng minh nhân dân mang tên Trần Văn L cho bị cáo; Tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 nhãn hiệu Damsan, số máy: FMG - 00.112.717, số khung: AUM5H – 112717; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 mang tên Nguyễn Thị M cấp ngày 18/6/2011 để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại.

Bị cáo Trần Văn L nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện XM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa người làm chứng anh Đoàn Khắc N và anh Đào Anh T vắng mặt nhưng đã có lời khai rõ ràng phù hợp với lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác. Vì vậy việc vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ, theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng:

Khoảng 20 giờ ngày 15/6/2018 bị cáo Trần Văn L (không có giấy phép lái xe) sau khi uống rượu đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 72L2-8177 chở Trần Văn P từ chợ XM đi thị trấn PB, trên đường tỉnh lộ 329 đoạn thuộc khu vực ấp NT, xã XM, huyện XM bị cáo điều khiển xe lấn sang phần đường bên trái va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 72G1 – 276.06 do chị Phạm Nguyễn Anh T điều khiển theo hướng ngược lại, hậu quả làm cho chị T bị thương nặng sau đó tử vong vào ngày 24/6/2018.

Bản kết luận giám định pháp y trên hồ sơ số 206/GĐHS ngày 27/8/2018 của Trung tâm pháp y – Sở y tế tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận nguyên nhân chết: Khả năng Phạm Nguyễn Anh T chết trong bệnh cảnh “Chấn thương sọ não nặng không hồi phục. Chết do chấn thương”.

Kết quả kiểm tra nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo vào lúc xảy ra tai nạn ngày 15/6/2018 bằng máy đo chuyên dùng của Cảnh sát giao thông ghi nhận kết quả: Nồng độ cồn trong hơi thở của bị cáo là 0,487mg/l.

Căn cứ vào kết quả khám hiện trường, khám nghiệm phương tiện; báo cáo tai nạn giao thông đường bộ; kết luận giám định pháp y trên hồ sơ đối với nguyên nhân chết của chị Phạm Nguyễn Anh T, lời khai của những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định: Nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn giao thông là do bị cáo điều khiển xe mô tô 72L2 – 8177 trong tình trạng say do uống rượu, bia và không có giấy phép lái xe theo quy định dẫn đến không làm chủ tay lái, bị cáo điều khiển xe đi không đúng phần đường quy định đã lấn qua phần đường bên trái gây ra vụ tai nạn giao thông làm chết 01 người. Hành vi của bị cáo vi phạm vào khoản 8, khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ.

Như vậy hành vi của bị cáo nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a, b khoản 2, Điều 260 của Bộ luật hình sự năm 2015. Từ đó cho thấy bản cáo trạng số 20/CT-VKS - XM ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Trần Văn L về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng

pháp luật.

[4] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo không chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Luật giao thông đường bộ khi tham gia giao thông, điều khiển xe máy trong tình trạng say do uống rượu, bia và không có giấy phép lái xe không làm chủ được tay lái, đã lấn sang phần đường bên trái gây tai nạn, hậu quả làm chết 01 người, lỗi thuộc về bị cáo. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật an toàn công cộng, tước đi mạng sống của người khác, gây đau thương mất mát cho gia đình nạn nhân. Do đó cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, trong quá trình điều tra bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả cho gia đình bị hại. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo là dân lao động, không biết chữ nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, hậu quả xảy ra là do lỗi vô ý nằm ngoài ý thức của bị cáo. Do đó cần cân nhắc xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Người đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Phú T và bà Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 200.000.000đ (tiền chi phí điều trị bị hại trước khi chết, chi phí mai táng, chi phí sửa xe, yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần) bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000đ. Nay ông T, bà T yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền 190.000.000đ.

Bị cáo đồng ý bồi thường tiếp số tiền 190.000.000đ theo yêu cầu của ông T và bà T, xét sự thỏa thuận của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[8] Về xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại ông Phạm Phú T cha của bị hại: 01 xe mô tô biển kiểm soát 72G1-276.06 loại xe Nozza màu trắng, số máy: E3N4E – 021032, số khung: RLCSE7610EY – 021027; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 72G1 – 276.06 mang tên Phạm Nguyễn Anh T; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Phạm Nguyễn Anh T là phù hợp với quy định của pháp luật.

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 nhãn hiệu Damsan, số máy: FMG - 00.112.717, số khung: AUM5H – 112717; 01 giấy đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 mang tên Nguyễn Thị M. Bà Nguyễn Thị M khai nhận, chiếc xe này bà M đã bán cho bị cáo vào năm 2012 với giá 2.000.000đ bà M đã nhận đủ tiền nhưng khi mua hai bên chưa làm thủ tục sang tên theo quy định, nay bà M xác nhận chiếc xe này thuộc quyền sở hữu của bị cáo, bà M không có tranh chấp hay yêu cầu gì. Do đó Hội đồng xét xử có cơ sở xác định chiếc xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo. Vì vậy cần tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 nhãn hiệu Damsan, số máy: FMG - 00.112.717, số khung: AUM5H – 112717; 01 giấy đăng ký xe mô

tô biển kiểm soát 72L2 – 8177 mang tên Nguyễn Thị M cấp ngày 18/6/2011 để đảm bảo thi hành án về các khoản tiền mà bị cáo có nghĩa vụ phải thực hiện theo nội dung bản án.

- 01 chứng minh dân dân mang tên Trần Văn L là giấy tờ tùy thân của bị cáo nên xét trả lại cho bị cáo.

[09] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L (T) phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a, b, khoản 2, Điều 260, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Trần Văn L (T) 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tiếp tục tạm giữ xe mô tô biển số 72L2 – 8177, nhãn hiệu Damsan, số khung AUM5H – 112717; số máy FMG – 00112717, màu sơn nâu, tình trạng xe cũ, bể đèn pha trước, mặt nạ trước và 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy số 008649 tên chủ xe Nguyễn Thị M, biển số đăng ký 72L2 – 8177 đã tạm giữ của bị cáo Trần Văn L trong quá trình điều tra để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn L 01 chứng minh nhân dân số 273156690 mang tên Trần Văn L do Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 25/10/2013.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/3/2019 giữa Công an huyện XM và Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM).

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, các Điều 357, Điều 584, 585, 586 và Điều 590, Điều 591 của Bộ luật dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Phú T, bà Nguyễn Thị T như sau:

Bị cáo Trần Văn L có trách nhiệm bồi thường cho ông Phạm Phú T và bà Nguyễn Thị T là người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Nguyễn Anh T số tiền 200.000.000đ (Bao gồm: Tiền chi phí điều trị cho bị hại trước khi chết, chi phí mai táng, chi phí sửa xe, yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần). Nhưng bị cáo đã bồi thường được số tiền 10.000.000đ bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiếp cho ông T, bà T số tiền 190.000.000đ (Một trăm chín mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều

468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Trần Văn L phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bị cáo Trần Văn L phải nộp số tiền 9.500.000đ (Chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Công an huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo